TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2025.
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung, nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đặng Thị Thanh Thảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hồng Thơ

Ông Nguyễn Phú Hữu

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Phan Minh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 441/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Võ Văn P, sinh năm 1978;

Địa chỉ thường trú: Tổ C, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông Võ Văn P (phần tài sản): Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số C, đường L, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Là người đại diện theo uỷ quyền (theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 23/4/2025).

- *Bị đơn:* Lê Thúy D, sinh năm 1981;

Địa chỉ thường trú: Tổ C, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà A, Tổ F, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thúy D (phần tài sản): Ông Dương Minh T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số G, đường C, Tổ F, Ấp A, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Là người đại diện theo uỷ quyền (theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 14/4/2025).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Phan Thị N1, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Tổ I, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp

(Các đương sự vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn anh Võ Văn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thúy D đăng ký kết hôn vào ngày 20/9/2001 (Số vào sổ đăng ký kết hôn: 50/2001) tại UBND xã T, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Đồng Tháp. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do khác biệt về suy nghĩ, lối sống. Anh chị đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Hiện nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù cả hai đã cho nhau nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh Võ Văn P yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với chị Lê Thúy D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh Võ Văn P và chị Lê Thúy D có 02 con chung là Võ Thị Phương T1, sinh ngày 07/7/2002 và Võ Phương N2, sinh ngày 16/4/2008. Con chung là Võ Thị Phương T1, sinh ngày 07/7/2002, đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết. Con chung Võ Phương N2, sinh ngày 16/4/2008 đang sống cùng mẹ tại địa chỉ số nhà A, Tổ F, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung Võ Phương N2 cho chị Lê Thúy D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Võ Phương N2.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 26/5/2025, anh Võ Văn P trình bày: Anh và chị D đã thống nhất thuận tình ly hôn, thống nhất việc nuôi con chung, không tranh chấp về tài sản chung, đối với phần nợ mẹ ruột anh là bà

N1 không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu anh và bà N1 không thoả thuận được sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Đồng thời xin vắng mặt và đề nghị Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thúy D có yêu cầu phản tố và trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh P về thời gian kết hôn, những mâu thuẫn trong hôn nhân và thống nhất ly hôn với anh Võ Văn P.

Về con chung: Chị thống nhất với lời trình bày của anh P về con chung. Hiện nay, con chung Võ Thị Phương T1, sinh ngày 07/7/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Con chung Võ Phương N2, sinh ngày 16/4/2008 hiện tại sống chung với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Võ Văn P cấp dưỡng con chung Võ Phương N2.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng làm 02 phần đối với các tài sản:

Phần tài sản chung là thửa đất số 861, tờ bản đồ số 5, diện tích 83,17m² đất toạ lạc tại địa chỉ: Số A, Tổ F, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4, xây dựng năm 2021, kết cấu cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lót gạch men, mái lợp tol, diện tích xây dựng 75m². Chị yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng phần diện tích đất trên và căn nhà trên đất, C đồng ý trả lại phần giá trị cho ông Võ Văn P.

Tài sản chung là thửa đất số 127, tờ bản đồ số 2, diện tích 6.515,6m², đất toạ lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, đất trồng lúa nước. Chị yêu cầu được nhận ½ tài sản của thửa đất 127, diện tích là 3.257,8m² và đồng ý giao cho ông Võ Văn P được quản lý, sử dụng ½ phần diện tích còn lại là 3.257,8m².

Về nợ chung: Chị yêu cầu ông Võ Văn P có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay 120.000.000 đồng của Ngân hàng H, mỗi người có trách nhiệm trả số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Tuy nhiên, ngày 22/5/2025, chị D có Đơn xin rút đơn khởi kiện, chị D xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố về tài sản chung, nợ chung.

Tại Đơn xin vắng mặt ngày 22/5/2025, chị D trình bày: Chị và anh P đã thống nhất thuận tình ly hôn, thống nhất việc nuôi con chung, không tranh chấp về tài sản chung, đối với phần nợ mẹ chồng là bà N1 không yêu cầu giải

quyết trong vụ án này, nếu không thoả thuận được sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Đồng thời xin vắng mặt và đề nghị Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị.

Về chi phí tố tụng: Chị thống nhất tự nguyện chịu các chi phí tố tụng đã nộp tạm ứng và chi xong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị N1 trình bày trong Văn bản trình bày ý kiến ngày 22/5/2025: Bà và anh P, chị D đã thoả thuận được về việc trả nợ nên bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, trường hợp không thoả thuận được bà sẽ yêu cầu bằng vụ án khác và xin vắng mặt tại phiên toà xét xử vụ án.

Tại phiên toà, do các đương sự vắng mặt nên không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Chứng cứ do nguyên đơn nộp: Căn cước công dân Võ Văn P (bản sao chứng thực); Giấy cứng nhận đăng ký hết hôn (bản sao); Giấy khai sinh của Võ Thị Phương T1 và Võ Phương N2 (bản sao); Hồ sơ tất toán tại Ngân hàng H (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM273801 (đối chiếu bản chính); Hợp đồng uỷ quyền; đơn xin xét xử vắng mặt của Võ Văn P, Nguyễn Thị Thu N (bản chính).

Chứng cứ do bị đơn nộp: Vi bằng số 53/2025/VB-TPLSĐ ngày 04/4/2025 (bản chính); Vi bằng số 52/2025/VB-TPLSĐ ngày 04/4/2025 (bản chính); Hợp đồng uỷ quyền (bản chính); Đơn xin rút đơn khởi kiện (bản chính); Đơn xin vắng mặt ngày 22/5/2025 (bản chính); Đơn xin vắng mặt ngày 21/5/2025 (bản chính).

Chứng cứ do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp: Văn bản trình bày ý kiến ngày 22/5/2025 của Phan Thị N1 (bản chính).

Chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/5/2025, 15/6/2025 (Bản chính); Hợp đồng đo đạc số 665/HĐ.DĐ ngày 09/5/2025 (bản chính); Biên bản định giá ngày 15/6/2025 (bản chính); Biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2025; Văn bản trình bày ý kiến ngày 22/5/2025 của Đoàn Thị Thanh T2 (bản chính).

* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất:

Nguyên đơn Võ Văn P và bị đơn Lê Thúy D thoả thuận tự nguyện ly hôn. Thống nhất về người trực tiếp nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu T án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp, không có yêu cầu ai khác, không tranh chấp quan hệ pháp luật nào khác; không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác, không có yêu cầu thẩm định, định giá lại.

* Các tình tiết vụ án các bên đương sự không thống nhất: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm, đường lối giải quyết vụ án, về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Văn P. Anh Võ Văn P được ly hôn với chị Lê Thúy D; Về con chung, Võ Thị Phương T1, sinh ngày 07/7/2002 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Võ Phương N2, sinh ngày 16/4/2008 giao cho chị Lê Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng; các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; Về tài sản chung: đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Lê Thúy D đối với nhà và đất thuộc thửa đất số 861, tờ bản đồ số 5, đất toạ lạc tại địa chỉ số A, Tổ F, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và thửa đất số 127, tờ bản đồ số 2, đất toạ lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Về nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu. Các nội dung thoả thuận giữa anh P, chị D, bà N1, bà T2 sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Về việc giải quyết án phí và chi phí tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung*" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung là các quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình, dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn Lê Thúy D có địa chỉ tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.3] Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà và có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Văn P và chị Lê Thúy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Đồng Tháp ngày 20/9/2001 nên quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P và chị D cùng trình bày sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn được, cả anh P và chị D đều thống nhất ly hôn. Xét thấy, sự thuận tình ly hôn của của anh Võ Văn P và chị Lê Thúy D là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thoả thuận tự nguyện ly hôn của anh Võ Văn P và chị Lê Thúy D

Về con chung: Anh Võ Văn P và chị Lê Thúy D có hai con chung tên Võ Thị Phương T1, sinh ngày 07/7/2002 và Võ Phương N2, sinh ngày 16/4/2008. Hiện nay, con chung Võ Phương N2 đang sống chung với chị Lê Thúy D.

Con chung là Võ Thị Phương T1, sinh ngày 07/7/2002, đã trưởng thành không yêu cầu toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung Võ Phương N2, sinh ngày 16/4/2008, khi ly hôn anh P và chị D thống nhất giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh P và chị D không còn sống chung đến nay con chung Võ Phương N2 đều sống chung với chị D thời gian dài, ổn định, phát triển tốt về mọi mặt. Cháu Võ Phương N2 có nguyện vọng sống cùng mẹ. Đồng thời, anh P và chị D thống nhất giao con chung là cháu Võ Phương N2 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thoả thuận về việc nuôi con chung giữa anh Võ Văn P và chị Lê Thúy D. Giao con

chung tên Võ Phương N2, sinh ngày 16/4/2008 cho chị Lê Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung:

Bị đơn Lê Thúy D rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung đối với căn nhà và đất thuộc thửa số 861, tờ bản đồ số 5, toạ lạc tại ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và đất thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 2, đất toạ lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Nguyên đơn không có ý kiến gì khác đối với việc rút yêu cầu của chị D. Xét thấy việc rút yêu cầu của chị D là tự nguyện, các đương sự trong vụ án đã tự thoả thuận xong, không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nợ chung: Bà Phan Thị N1 có văn bản trình bày ý kiến sẽ tự thoả thuận với anh P, chị D; không có yêu cầu trong vụ án này, trường hợp không thoả thuận được sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của bà N1 là hoàn toàn tự nguyện nên không đặt ra xem xét trong vụ án này. Trường hợp bà N1, anh P, chị D không thoả thuận được sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Đối với phần nợ Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Phát triển thành phố H (H) - Chi nhánh Đ, anh P đã cung cấp hồ sơ tất toán và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 861, tờ bản đồ số 5, toạ lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Toà án đã thông báo cho Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H không còn tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Thông báo đã được tống đạt hợp lệ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Phát triển thành phố H (H) - Chi nhánh Đ đến ngày xét xử vụ án Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Phát triển thành phố H (H) - Chi nhánh Đ không có ý kiến hay yêu cầu nào khác. Vì vậy, việc Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Phát triển thành phố H (H) - Chi nhánh Đ không tiếp tục tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 48, Điều 68, Điều 198 và Điều 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nên chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử:

Công nhận sự thoả thuận tự nguyện ly hôn của anh Võ Văn P và chị Lê Thúy D.

Chấp nhận sự tự nguyện thoả thuận về việc nuôi con chung giữa anh Võ Văn P và chị Lê Thúy D. Giao con chung tên Võ Phương N2, sinh ngày 16/4/2008 cho chị Lê Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, con chung Võ Phương N2 đang sống cùng mẹ là chị Lê Thúy D.

Con chung Võ Thị Phương T1, sinh ngày 07/7/2002, đã trưởng thành không yêu cầu toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Lê Thúy D đối với diện tích đất và căn nhà gắn liền với đất thuộc thửa số 861, tờ bản đồ số 5, toạ lạc tại ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và đất thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 2, đất toạ lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn Võ Văn P phải chịu án phí về việc chấp nhận yêu cầu ly hôn. Bị đơn Lê Thúy D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: Chấp nhận sự tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá của chị Lê Thúy D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, Điều 68, khoản 4 Điều 147, Điều 198; Điều 199, Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 35, Điều 37, Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thoả thuận ly hôn của anh Võ Văn P và chị Lê Thúy D.

Về con chung: Anh Võ Văn P và chị Lê Thúy D có hai con chung tên Võ Thị Phương T1, sinh ngày 07/7/2002 và Võ Phương N2, sinh ngày 16/4/2008.

Con chung Võ Thị Phương T1, sinh ngày 07/7/2002, đã trưởng thành không yêu cầu toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Công nhận sự tự nguyện thoả thuận về việc nuôi con chung giữa anh Võ Văn P và chị Lê Thúy D. Giao con chung tên Võ Phương N2, sinh ngày 16/4/2008 cho chị Lê Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, con chung Võ Phương N2 đang sống cùng mẹ là chị Lê Thúy D.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Lê Thúy D đối với diện tích đất và căn nhà gắn liền với đất thuộc thửa số 861, tờ bản đồ số 5, toạ lạc tại ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và đất thuộc thửa số 127, tờ bản đồ số 2, đất toạ lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc: Công nhận sự tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc của chị Lê Thúy D số tiền 4.000.000 đồng. Chị Lê Thúy D đã nộp tạm ứng và chi xong.

Về chi phí định giá: Công nhận sự tự nguyện chịu chi phí định giá của chị Lê Thúy D số tiền 1.500.000 đồng. Chị Lê Thúy D đã nộp tạm ứng và chi xong.

Về án phí: Anh Võ Văn P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003272 ngày 14/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Chị Lê Thúy D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Trả lại cho chị Lê Thúy D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003382 ngày 11/4/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TPCL:
- Chi cục THADS TPCL;
- UBND xã Tân Thuận Đông, Tp Cao Lãnh, ĐT (số 50 ngày 20/9/2001);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thanh Thảo